CHÍNH PHỦ **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /2017/NĐ-CP ***DỰ THẢO 2***	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM AN NINH KHÔNG GIAN MẠNG QUỐC GIA

Căn cứ Luật tổ chức chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật an ninh quốc gia ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật công an nhân dân ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nguyên tắc, nội dung, biện pháp, căn cứ, thẩm quyền, trách nhiệm bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia; quản lý nhà nước và trách nhiệm của các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

2. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia của Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Không gian mạng quốc gia* là mạng lưới kết nối toàn cầu của các cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm: mạng Internet, mạng viễn thông, hệ thống máy tính, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác lập phạm vi quản lý, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bằng chính sách, pháp luật và năng lực công nghệ.

2. *Hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia* là hành vi sử dụng không gian mạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xâm phạm an ninh thông tin và sự an toàn của hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. *Bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia* là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý các hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

4. *Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia* là hệ thống thông tin nếu bị tiến công, phá hoại sẽ làm ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế, chính trị, xã hội, đối ngoại của quốc gia, được xác định theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10, khoản 1 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

5. *Cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia* bao gồm: cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng thuộc Bộ Công an; cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia

1. Tôn trọng, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia phải tuân thủ quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Không được lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức; của cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế cư trú, hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bảo đảm sự phân công, phân cấp rõ ràng và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

4. Cơ quan, tổ chức, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế cư trú, hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 5. Hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia

1. Hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi;

b) Phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Nội dung hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia gồm:

a) Hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

b) Hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý các hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia;

c) Hoạt động hợp tác quốc tế khác về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Chương II

PHÒNG NGỪA HOẠT ĐỘNG XÂM PHẠM AN NINH KHÔNG GIAN MẠNG QUỐC GIA

Điều 6. Nội dung phòng ngừa hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia

1. Tuyên truyền, giáo dục về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

2. Công bố tiêu chuẩn quốc gia về bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

4. Chứng nhận hợp chuẩn bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

5. Kiểm tra, phát hiện, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân khắc phục điểm yếu, lỗ hổng bảo mật của hệ thống thông tin là mục tiêu của hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

6. Giám sát, cảnh báo, ứng cứu, khắc phục sự cố xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia. Thiết lập tường lửa, sử dụng thiết bị bảo mật, phần mềm, công cụ kỹ thuật để ngăn chặn, hạn chế truy cập tới các vùng thông tin do Nhà nước quản lý khi có yêu cầu.

7. Tổ chức nghiên cứu khoa học, giải pháp, công nghệ, thử nghiệm, ứng dụng, sản xuất, cung cấp hệ thống bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

8. Thu hút, giáo dục, bồi dưỡng, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin, chuyên gia an ninh mạng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

9. Bảo đảm trang bị cho cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 7. Tuyên truyền, giáo dục về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia

1. Nội dung tuyên truyền, giáo dục:

a) Chính sách, pháp luật về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

b) Vị trí, tầm quan trọng của hoạt động bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

c) Phương thức, thủ đoạn, nguy cơ, hậu quả của hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia;

d) Trách nhiệm, kiến thức, kỹ năng nhận biết, phòng, chống hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia;

đ) Kiến thức, kỹ năng bảo vệ bí mật nhà nước khi kết nối, sử dụng không gian mạng;

e) Các nội dung khác liên quan tới phòng, chống hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

2. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

3. Giáo dục bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia là một nội dung giáo dục quốc dân. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm đưa nội dung giáo dục bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia vào chương trình dạy học trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với ngành học, cấp học.

Điều 8. Xác định hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

1. Cơ quan chủ quản hệ thống thông tin chịu trách nhiệm rà soát, xác định hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này; lập hồ sơ, đề nghị Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thẩm định đưa vào danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và truyền thông thẩm định, ban hành danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và truyền thông thẩm định, ban hành danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Tiêu chuẩn quốc gia về bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

1. Tiêu chuẩn quốc gia về bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bao gồm các quy định cụ thể nhằm bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia đối với hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, hệ thống quản lý, vận hành, kết nối, truy cập hệ thống thông tin được công bố, thừa nhận, áp dụng tại Việt Nam.

2. Cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia có trách nhiệm bảo đảm cho hệ thống thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về bảo đảm an ninh cho hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

Điều 10. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

1. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia được thực hiện:

a) Khi lập đề án, dự án xây dựng hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

b) Trước khi hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia được đưa vào vận hành, sử dụng;

c) Trước khi đưa vào sử dụng sản phẩm công nghệ phục vụ cho hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

d) Đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia đang hoạt động;

đ) Định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh không gian mạng quốc gia.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia:

a) Tình trạng hoạt động của hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

b) Nhân lực phụ trách bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

c) Chính sách, giải pháp, thiết bị, hệ thống bảo đảm an ninh đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, phương án ứng cứu, khắc phục sự cố của cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia tự tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia do mình quản lý; việc tự kiểm tra, đánh giá được tiến hành tối thiểu một năm một lần và định kỳ gửi báo cáo về cơ

quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Công an vào tháng 10 hằng năm.

4. Định kỳ hàng năm và trong trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên trách về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Công an tiến hành thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Định kỳ hàng năm và trong trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên trách về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Quốc phòng tiến hành thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Quốc phòng.

6. Cơ quan chuyên trách bảo đảm an toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Công an, cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 11. Chứng nhận hợp chuẩn bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

1. Chứng nhận hợp chuẩn bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia là việc tổ chức chứng nhận hệ thống thông tin, giải pháp, phần cứng, phần mềm, hệ thống quản lý, vận hành hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia phù hợp với tiêu chuẩn bảo đảm an ninh áp dụng cho hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

2. Kết quả kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia là căn cứ để cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia cho cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

3. Bộ Công an cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Bộ Quốc phòng cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 12. Giám sát, cảnh báo, ứng cứu, khắc phục sự cố an ninh xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

1. Cơ quan chuyên trách về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Công an có nhiệm vụ thiết lập cơ chế giám sát, cảnh báo, ứng cứu, khắc phục sự cố an ninh xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan chuyên trách về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ thiết lập cơ chế giám sát, cảnh báo, ứng cứu, khắc phục sự cố an ninh xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Quốc phòng;

3. Cơ quan chuyên trách bảo đảm an toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Công an, cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

4. Cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia có trách nhiệm bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia do mình quản lý; phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia xây dựng cơ chế giám sát, cảnh báo; đề ra phương án ứng cứu, khắc phục khẩn cấp sự cố an ninh xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia do mình quản lý.

5. Khi xảy ra sự cố, cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia phải kịp thời thông báo và phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia:

a) Thu thập, báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan, tăng cường giám sát tình hình sự cố;

b) Phân tích, đánh giá, dự đoán khả năng phát sinh, phạm vi ảnh hưởng, mức độ nguy hại;

c) Thông báo, phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia ứng cứu, khắc phục;

d) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền tạm thời hạn chế hoạt động của hệ thống thông tin tại một số khu vực khi thấy cần thiết.

Điều 13. Trách nhiệm bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

1. Cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia:

a) Chỉ định bộ phận chuyên trách và xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ chuyên trách bộ phận bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia thuộc phạm vi quản lý;

b) Phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia kiểm tra dự án, đề án, giải pháp và hệ thống trước khi đưa vào vận hành, khai thác các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; có phương án bảo đảm an ninh trước khi thiết lập, mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

c) Bảo đảm hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

2. Cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

b) Xây dựng thiết lập cơ chế giám sát, cảnh báo và tổ chức ứng cứu khẩn cấp, khắc phục, cung cấp sự hỗ trợ và xử lý kỹ thuật các sự cố xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; định kỳ tổ chức huấn luyện, diễn tập;

c) Yêu cầu doanh nghiệp viễn thông, internet, công nghệ thông tin, an toàn thông tin tham gia tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, ứng cứu, khắc phục sự cố mạng khẩn cấp đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Cơ quan chuyên trách bảo đảm an toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Công an, cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

PHÁT HIỆN, NGĂN CHẶN, ĐẤU TRANH, XỬ LÝ HOẠT ĐỘNG XÂM PHẠM AN NINH KHÔNG GIAN MẠNG QUỐC GIA

Điều 14. Biện pháp phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia

1. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, biện pháp thu thập chứng cứ và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự đối với pháp nhân, cá nhân có hành vi xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

2. Các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật nghiệp vụ.

Điều 15. Đối tượng áp dụng các biện pháp phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

2. Các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

3. Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

Điều 16. Nội dung, căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp phát hiện, ngăn chặn, xử lý hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia

1. Nội dung, căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Nội dung, căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO ĐẢM AN NINH KHÔNG GIAN MẠNG QUỐC GIA VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 17. Nội dung quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia

1. Xây dựng, đề xuất chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch và phương án bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

2. Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

3. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

4. Tổ chức thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác nghiệp vụ và biện pháp bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

5. Tổ chức bộ máy, trang bị phương tiện, đào tạo cán bộ làm công tác bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia; bồi dưỡng kiến thức về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia cho cán bộ chủ chốt của các cơ quan, tổ chức; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia; xây dựng và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

6. Kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia; thanh tra, phát hiện, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

7. Nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, cung cấp các giải pháp, thiết bị, hệ thống bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

8. Hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia và có trách nhiệm cụ thể sau đây:

a) Đề xuất Chính phủ xây dựng, hoàn thiện pháp luật về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

b) Chủ trì, phối hợp xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, phương án, giải pháp, biện pháp bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

c) Chủ trì xây dựng, đề nghị thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về bảo đảm an ninh cho hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành chức năng có liên quan tổ chức diễn tập phòng, chống tấn công mạng cấp quốc gia; ứng cứu, khắc phục sự cố xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, phương án, giải pháp, biện pháp bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và truyền thông, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện chế độ báo cáo, tổng kết về công tác bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

h) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

i) Tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, cung cấp các giải pháp, thiết bị, hệ thống bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

k) Thực hiện hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

2. Trong tổ chức, thực hiện bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia, Bộ Công an có trách nhiệm sau đây:

a) Phân công, phân cấp nhiệm vụ cho cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia; phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia trong phạm vi, lĩnh vực do Bộ Quốc phòng quản lý.

c) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia; phát hiện, điều tra, xử lý tổ chức, cá nhân xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và truyền thông, cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia trong phạm vi, lĩnh vực do Bộ Quốc phòng quản lý.

3. Phân công, phân cấp nhiệm vụ cho cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Quốc phòng.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, internet thuộc quyền phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Công an trong xây dựng, huấn luyện, diễn tập và tổ chức thực hiện các phương án phát hiện, đấu tranh, xử lý hành vi xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia;

5. Tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, cung cấp các giải pháp, thiết bị, hệ thống bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

6. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao thực hiện hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia theo thẩm quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này.

2. Chỉ đạo cơ quan chuyên trách bảo đảm an toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, doanh nghiệp xuất bản, báo chí, viễn thông, công nghệ thông tin và các cơ quan thuộc quyền tổ chức bảo đảm an toàn thông tin, sẵn sàng tham gia ứng cứu, khắc phục sự cố xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, ngăn chặn hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, internet phối hợp với các cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia trong xây dựng, huấn luyện, diễn tập và tổ chức thực hiện các phương án, giải pháp phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý hành vi xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Xác định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến hoạt động bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và truyền thông trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Chủ trì xây dựng chính sách, cơ chế phối hợp thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin, chuyên gia an ninh mạng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

2. Bổ sung tiêu chuẩn về kiến thức bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia đối với chức danh lãnh đạo trong bộ máy cơ quan nhà nước.

3. Xây dựng chính sách, biên chế đặc thù cho lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Bảo đảm kinh phí thường xuyên, đầu tư, trang bị, duy trì hoạt động bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

2. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Nội vụ xây dựng chính sách, chế độ đặc thù cho lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 24. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1. Các bộ, ngành, địa phương phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và truyền thông trong bảo đảm an ninh hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia, chủ động rà quét, kiểm tra an ninh, an toàn hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia và khắc phục các điểm yếu bảo mật.

2. Tổ chức lực lượng, phương tiện tham gia bảo vệ an ninh không gian mạng quốc gia và sẵn sàng phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia trong ứng cứu, khắc phục các sự cố do hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 25. Trách nhiệm của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, internet, cơ quan chủ quản trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử

1. Triển khai các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an ninh thông tin, an ninh mạng; xây dựng biện pháp ứng phó thích hợp khi bị tấn công, xâm nhập mạng; phối hợp, hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền trong quá trình điều tra tội phạm và bảo vệ an ninh không gian mạng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ động loại bỏ thông tin có nội dung chống nhà nước trên không gian mạng; tạm dừng hoặc chấm dứt cung cấp dịch vụ viễn thông, internet đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng không gian

mạng xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia theo yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

3. Xây dựng các phương án, giải pháp phản ứng nhanh với sự cố an ninh mạng, mối đe dọa an ninh mạng như lỗ hổng bảo mật, virut, tấn công mạng, xâm nhập mạng và những sự cố, đe dọa khác. Khi xảy ra sự cố an ninh mạng, ngay lập tức triển khai phương án khẩn cấp, biện pháp ứng phó thích hợp, đồng thời báo cáo với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia theo quy định.

4. Tạm ngừng hoặc dừng kết nối đối với các tổ chức, cá nhân xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia.

Điều 26. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý hoạt động xâm phạm an ninh không gian mạng quốc gia.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, các Vụ, Cục;
- Lưu: Văn thư, ĐT.142b.